

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2026/HS-PT
Ngày: 20 – 5 – 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Võ Thái Sơn

2. Ông Bùi Thanh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Văn P do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2026/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Văn P, sinh ngày 01/01/1974 tại xã T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Trương Thị L; có vợ tên Huỳnh Thị T và 05 người con, lớn sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự tại Quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 11/01/2024 của UBND thị xã N, tỉnh Sóc Trăng về hành vi chiếm đất nông nghiệp; nhân thân: Không có án tích; bị bắt tạm giam ngày 05/12/2025 đến nay (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Minh T1 – Văn phòng Luật sư Trần Minh T1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1941. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T:* Luật sư Trần Minh T1 – Văn phòng Luật sư Trần Minh T1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

3/ Ông Võ Văn T4, sinh năm 1974. (Có mặt)

4/ Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/01/2015, bà Đỗ Thị T2 làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ bà T2 là ông Đỗ Văn M và bà Trương Thị Đ (Ba) để lại với diện tích 2,5 tầm cây (theo đo đạc thực tế là 2.526,7m²) đất ruộng, tọa lạc tại ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST, ngày 12/4/2018 tuyên xử:

+ Giao toàn quyền đối với phần đất thừa số 656, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho bà Trương Thị L, Đỗ Văn T5, Đỗ Văn P, Đỗ Thị P1, Đỗ Thị B, Đỗ Văn B1 với tổng diện tích 2.526,7m².

+ Buộc bà Trương Thị L, Đỗ Văn T5, Đỗ Văn P, Đỗ Thị P1, Đỗ Thị B, Đỗ Văn B1 trả giá trị tài sản thừa kế phần chênh lệch thừa kế cho bà Đỗ Thị T2 là 45.48.600 đồng; Giao 22.740.300 đồng giá trị tài sản thừa kế phần chênh lệch thừa kế của bà T6, bà T7 và 22.740.300 đồng giá trị tài sản thừa kế phần chênh lệch thừa kế của bà Cà L1 cho bà Trương Thị L, Đỗ Văn T5, Đỗ Văn P, Đỗ Thị P1, Đỗ Thị B, Đỗ Văn B1 quản lý.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Thị T2 làm đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung bản án đã tuyên. Ngày 17/5/2018, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 455/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo yêu cầu. Đến ngày 18/5/2018, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm tiến hành giao Quyết định thi hành án chủ động số 453/QĐ-CCTHADS và Quyết định số 455/QĐ-CCTHADS nhưng Đỗ Thị B, Đỗ Văn L2, Đỗ Văn T5, Đỗ Văn P, Đỗ Thị P2 và Trương Thị L không nhận và không đồng ý ký tên.

Do những người phải thi hành án không đồng ý thi hành nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm đã ban hành quyết định và thông báo về việc cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất; tiến hành lập biên bản về việc kê biên, xử

lý tài sản, với lý do bán đấu giá thực hiện bản án. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 22/4/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần T10 để thẩm định và bán đấu giá một phần thửa đất số 656, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có tổng diện tích 1.380,3m², với giá 77.297.000 đồng.

Ngày 05/12/2019, bà Đỗ Thị T2 là người trúng đấu giá diện tích đất nêu trên với số tiền 63.600.000 đồng. Đến ngày 24/11/2021, bà Đỗ Thị T2 được Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN652673, tại thửa đất số 1111, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước.

Ngày 06/12/2023, bà Đỗ Thị T2 thuê người trang, trạc và sạ lúa giống trên thửa đất nêu trên nhưng bị Đỗ Văn P đưa máy cày đến trang, trạc và sạ lại giống lúa khác nên bà T2 tố cáo hành vi chiếm đất của Đỗ Văn P với chính quyền địa phương. Ngày 12/12/2023, UBND xã L đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đỗ Văn P nhưng ông P không nhận biên bản. Đến ngày 11/01/2024, UBND thị xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 04/QĐ-XPHC đối với Đỗ Văn P về hành vi chiếm đất nông nghiệp, quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, xử phạt số tiền 27.500.000 đồng, cùng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông P khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định.

Sau đó, UBND thị xã N tiến hành giao quyết định cho ông P, ông P có nhận quyết định nhưng không đồng ý ký nhận và cũng không chấp hành theo quyết định xử phạt, đồng thời khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy Quyết định xử phạt hành chính số: 04/QĐ-XPHC của UBND thị xã N. Ngày 02/4/2024, UBND thị xã N ra Quyết định số 731/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, qua đó, giữ nguyên Quyết định xử phạt số: 04/QĐ-XPHC. Sau đó, Đỗ Văn P tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai về việc khiếu nại và yêu cầu thu hồi, hủy Quyết định xử phạt hành chính số: 04/QĐ-XPHC của UBND thị xã N. Ngày 29/7/2024, UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 1719/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Đỗ Văn P (lần hai). Kết quả: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 731/QĐ-UBND của UBND thị xã N và yêu cầu Đỗ Văn P chấp hành Quyết định số 04/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính, bác khiếu nại của Đỗ Văn P.

Do bị cáo Đỗ Văn P không chấp hành quyết định xử phạt hành chính trên nên ngày 31/10/2024, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 14/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính và thành lập ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính đối với Đỗ Văn P. Quá trình triển khai quyết định cưỡng chế thi bị cáo P không chấp hành; Ban cưỡng chế đã tiến hành đo đạc, cắm trụ ranh mốc và giao lại đất cho bà Đỗ Thị T2.

Đến ngày 27/11/2024, Đỗ Văn P tiếp tục dùng máy ra trang, trạc và sạ lúa trên phần đất của bà T2 đã gieo sạ trước đó nên ngày 03/12/2024, UBND xã L

lập biên bản vi phạm hành chính đối với Đỗ Văn P về hành vi bao chiếm đất theo quy định tại điểm d khoản 3 điều 13 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính Phủ, có thông qua và giao biên bản vi phạm hành chính cho ông P, ông P nhận biên bản nhưng không đồng ý ký tên.

Nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên ngày 11/01/2025, UBND thị xã N chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản án số 13/2026/HS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Đỗ Thị T2 số tiền 21.650.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn P nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 1.082.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2026 bị cáo Đỗ Văn P kháng cáo kêu oan; ngày 09/3/2026 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T yêu cầu xem xét việc bị cáo không phạm tội với lý do: Về nguồn gốc đất bị cáo chiếm để canh tác sâu xa là của ông Đỗ Văn H (cha bị cáo) khai phá, sau đó ông H giao lại cho ông Đỗ Văn H1 (là cha dượng của ông H) đứng tên sử dụng. Sau đó ông H1 trả lại đất cho ông H, ông H giao lại cho bà L (mẹ của bị cáo) sử dụng, phần đất này bà L giao lại cho bị cáo canh tác. Vì vậy, bị cáo chưa thống nhất với nhận định của Bản án sơ thẩm số 21/DSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh

Sóc Trăng là đất của ông Đỗ Văn M và bà Trương Thị Đ (ông bà nội của bị cáo). Vấn đề này có ông Đỗ Văn T8 và ông Bùi Văn T9 xác nhận.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nguồn gốc đất để xét yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục:

Sau khi án sơ thẩm xét xử ngày 27/02/2026, đến ngày 04/3/2026 bị cáo Đỗ Văn P kháng cáo. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định nên được xem xét ở cấp phúc thẩm.

Về nội dung:

Vấn đề bị cáo tranh chấp đất với bị hại là bà Đỗ Thị T2 với gia đình của bị cáo đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 21/DSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà T2 đã được công nhận được hưởng thừa kế một phần trong tổng số đất có diện tích 2526,7 m² tại thửa đất số 656. Căn cứ bản án này có nội dung buộc bị cáo và gia đình của bị cáo phải hoàn trả lại giá trị một phần của thửa 656. Sau khi bản án dân sự sơ thẩm số 21/DSST ngày 12/4/2018 có hiệu lực pháp luật, một phần của thửa 656 được bán đấu giá. Bà T2 được trúng đấu giá. Sau đó bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2021 với diện tích là 1380,3 m² (thửa mới được đổi tên là 1111). Bà T2 canh tác thì bị bị cáo chiếm để canh tác gieo sạ. Sau nhiều lần bị xử phạt hành chính bằng các quyết định số QĐ453THADS, QĐ455THADS của cơ quan thi hành án, bị cáo đều không chấp hành nên đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N ra quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 11/01/2024, bị cáo vẫn không chấp hành quyết định nên vụ việc bị chuyển sang cơ quan điều tra giải quyết.

Ngày 27/02/2026, bị cáo bị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ xử phạt về tội “vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là tương xứng. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng căn cứ vào việc bị cáo nhiều lần bị xử phạt hành chính, không chấp hành nên cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án là có căn cứ. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh nói trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo yêu cầu tuyên bị cáo không phạm tội là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm trong thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội; tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của người bị hại, người làm chứng, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Đỗ Văn P đã có 01 tiền sự vào ngày 11/01/2024, bị Chủ tịch UBND thị xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 04/QĐ-XPHC về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa của bà Đỗ Thị T2, quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, xử phạt số tiền 27.500.000 đồng, cùng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông P khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định.

Đến nay bị cáo P chưa chấp hành quyết định xử phạt và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng vào ngày 27/11/2024 bị cáo P tiếp tục có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đỗ Thị T2 tại thửa đất số 1111 (trước đây thuộc một phần thửa đất 656) tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ (trước đây thuộc ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) với tổng diện tích đất 1.380,3m².

Ngày 27/02/2026, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù. Người bị hại Đỗ Thị T2 thống nhất bản án, không kháng cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan (đơn đề ngày 04/3/2026), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T kháng cáo xin hủy án (đơn đề ngày 09/3/2026).

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo cho rằng phần đất bị cáo chiếm để canh tác là của ông Bùi Văn H2 (ông nội sau của bị cáo), không phải đất của ông Đỗ Văn M và bà Trương Thị Đ (ông bà nội ruột của bị cáo). Theo bị cáo trình bày là ông H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho nên chỉ có con ông H2 mới có quyền giao đất cho người khác sử dụng. Bà T2 không được quyền hưởng thừa kế phần đất này.

Tuy nhiên, việc ông Bùi Văn H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cáo không có chứng cứ cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đỗ Thị T2 được thừa kế một phần của thửa 656 đã được công nhận tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/DSST ngày 12/4/2018. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Bà T2 đã được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01834 ngày 24/11/2021 công nhận quyền sử dụng đất một phần của thửa 656 (đổi tên thành thửa 1111) với diện tích là 1.380,3m². Việc bà T2

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào việc mua đầu giá phần đất này theo đúng quy định pháp luật. Bị cáo đã bị cưỡng chế giao đất, bị Ủy ban nhân dân thị xã N ra quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 11/01/2024. Bị cáo đã bị cơ quan điều tra khởi tố vụ án. Cho nên việc bị cáo nhiều lần chiếm đất của bà T2 để sử dụng đã bị xử phạt hành chính đã cấu thành tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để xử phạt bị cáo với mức án 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ và không oan. Bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét bị cáo không phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” là chưa có căn cứ để xem xét. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét lại nguồn gốc đất để xác định bị cáo bị xét xử theo Điều 228 Bộ luật Hình sự là oan cũng không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ y án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn P. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2026/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn P phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”.

3. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2025.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Đỗ Thị T2 số tiền 21.650.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu

lỗi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT I;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 2 – Công an TP. Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS KV7 – Cần Thơ;
- CQCSĐT – Công an TP. Cần Thơ;
- CQTHAHS – Công an TP. Cần Thơ;
- PHSNV – Công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Bình